

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2020

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Số hiệu hồ sơ: 01.08/2020

Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng toàn phần điển hình 7.000 kcal/kg (DB)

Gói thầu số 08: Mua than nhập khẩu đợt 8 năm 2020

(Gọi tắt: Package No. 08/2020)

I. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NHÀ CUNG CẤP

1. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp:

Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương còn hiệu lực do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp (*Bản sao công chứng hoặc chứng thực*);

2. Năng lực tài chính của nhà cung cấp:

- Báo cáo tài chính các năm 2018 (đã được kiểm toán) và năm 2019 (chưa cần được kiểm toán) để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh (*Bản sao công chứng hoặc chứng thực*), trong đó:

+ Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2018 và 2019 phải dương (>0);

+ Lợi nhuận sau thuế của nhà cung cấp trong năm 2018 và 2019 phải dương (>0).

- Từ năm 2018 đến 2019, nhà cung cấp đã cung cấp thành công tại Việt Nam với khối lượng than lớn hơn hoặc bằng khối lượng than được yêu cầu trong hồ sơ này. Nhà cung cấp phải nộp một trong các tài liệu sau đây làm bằng chứng đã cung cấp than thành công:

+ Thư xác nhận của Người Mua (*Bản sao công chứng hoặc chứng thực*);

+ Vận đơn hàng hải (*Bản sao công chứng hoặc chứng thực*).

(Trong trường hợp tên của Nhà cung cấp không được đề cập ở trên Vận đơn hàng hải với tư cách là Người gửi hàng thì bản sao công chứng của Chứng thư xuất xứ phát hành bởi cơ quan có thẩm quyền cho chuyển hàng phải được cung cấp).

II. YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA HÀNG HOÁ

1. Tên hàng hóa: Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng toàn phần điển hình 7.000 kcal/kg (DB). ✓



2. Đơn giá: Ưu tiên giá của nhà cung cấp có giá thấp nhất. Tuy nhiên, quyết định cuối cùng về việc lựa chọn nhà cung cấp là quyết định của bên mời thầu.

3. Quy cách chất lượng than:

| Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Tiêu chuẩn phân tích (theo tiêu chuẩn ISO) | Giá trị điển hình | Từ chối |
|--|----------------------|--|-------------------|--------------------|
| Than sản xuất tại nước ngoài, có nhiệt năng toàn phần điển hình 7.000 kcal/kg (DB) | Độ ẩm | Cơ sở nhận | 10% | Trên 15% |
| | Độ tro | Cơ sở khí khô | 16% | Trên 20% |
| | Lưu huỳnh | Cơ sở khí khô | 0,3% | Trên 0,8% |
| | Chất bốc | Cơ sở khí khô | 12-14% | Trên 16% |
| | Nhiệt năng toàn phần | Cơ sở khô | 7.000 kcal/kg | Dưới 6.800 kcal/kg |
| | Cỡ hạt 0-25mm | | 90% | Không |
| | HGI | | 70 | Dưới 50 |

* Điều khoản về điều chỉnh giá than: Trong trường hợp nhiệt năng thực tế cao hơn hoặc thấp hơn nhiệt năng điển hình, đơn giá thanh toán được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thanh toán} = \frac{\text{Nhiệt năng thực nhận}}{\text{Nhiệt năng điển hình}} \times \text{Giá FOB} + \text{Cước VC}$$

4. Khối lượng: 30.000 tấn +/-10%.

(Nhà cung cấp được quyền chào khối lượng lớn hơn hoặc bằng khối lượng theo Hồ sơ yêu cầu, nhưng khối lượng được chào hàng cần nằm trong khoảng dung sai +/-10%).

5. Cảng xếp hàng: Cảng nước ngoài;

6. Cảng dỡ hàng: Cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa, Việt Nam.

7. Điều kiện cơ sở giao hàng (Incoterms 2010): CFR cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa, Việt Nam.

8. Thời gian giao hàng (tại cảng xếp hàng): Trong tháng 05-06/2020.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong tháng 05-07/2020.

10. Cỡ tàu: Theo lựa chọn của nhà cung cấp và phù hợp với quy định hiện hành của cảng vụ cảng dỡ hàng. Nhà cung cấp phải chịu mọi trách nhiệm và chi phí phát sinh trong trường hợp tàu không được vào điểm neo đậu hoặc phải chờ đợi để vào điểm neo đậu do trọng tải tàu lớn hơn quy định của cảng vụ cảng dỡ hàng.

11. Điều kiện cơ bản của tàu vận chuyển hàng hoá:

- Tàu có khả năng đi biển, neo đậu và dỡ than tại Cảng dỡ hàng;
- Tàu có ít nhất 4 cầu x 20 tấn (min) trong tình trạng hoạt động tốt;
- Tàu được phân loại là Lloyd's Classification 100 A1 hoặc tương đương.

Handwritten signature/initials

bởi một Tổ Chức Đăng Kiểm quốc tế;

d) Tàu có khả năng tự san hàng, tàu chở hàng rời cấu trúc một tầng boong, có hệ thống an ninh và kết hợp thiết bị an ninh cần thiết để tuân thủ Bộ luật An ninh Tàu Biển và Bến cảng Quốc tế (Bộ luật ISPS), tất cả đều trong điều kiện an toàn và hoạt động tốt;

e) Tàu không quá 20 tuổi (độ tuổi được tính từ năm tàu được hạ thủy đến năm 2020), trừ khi có được chấp thuận trước bằng văn bản từ TMB;

f) Phí tàu già (OAP) không áp dụng cho tàu dưới 16 tuổi. Đối với tàu trên 16 tuổi, phí tàu già do Nhà cung cấp chịu;

g) Có bảo hiểm bảo hộ và bồi thường (P&I) đầy đủ trong suốt cuộc hành trình từ một thành viên nhóm quốc tế của hội P&I hoặc hội P&I khác được chấp nhận bởi bên thuê tàu tùy từng trường hợp;

h) Tuân thủ các quy định về cấm vận của Mỹ, Liên Hợp Quốc cũng như các quốc gia, lãnh thổ khác; tuân thủ Bộ luật quốc tế ISPS về an ninh tàu và bến cảng, các quy định hàng hải trong nước và quốc tế;

i) Tàu không mang cờ quốc tịch các quốc gia và vùng lãnh thổ bị cấm vận;

j) Tàu phải tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý tại Cảng dỡ hàng, liên quan đến việc đi qua Cảng dỡ hàng và tại Cảng dỡ hàng.

12. Tốc độ dỡ hàng: tối đa 6.000 tấn/ngày 24 giờ liên tục (bao gồm ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật).

13. Thời gian tàu chờ thủy triều: Thời gian tàu chờ thủy triều để vào cảng/khu neo không được tính vào thời gian dỡ hàng.

14. Thời gian tàu chờ để kiểm dịch: Thời gian tàu chờ đợi để kiểm dịch sẽ không được tính vào thời gian dỡ hàng.

15. Mức thưởng/phạt tốc độ dỡ hàng: Phù hợp với thị trường tàu biển quốc tế tại thời điểm chỉ định tàu nhưng không lớn hơn mức 5.000/10.000USD/ngày.

16. Phương thức thanh toán: Thư tín dụng trả ngay (L/C trả ngay).

17. Đơn vị giám định tại cảng xếp hàng được thực hiện bởi: SGS hoặc đơn vị giám định quốc tế có uy tín.

III. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO HÀNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

1. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá:

- Thư thể hiện ý chí kiêm cam kết xuất xứ hàng hoá: Phát hành bởi nhà cung cấp than/nhà sản xuất than (**Mẫu số 02**).

(Thư phải được trình bày bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt)

- Thư thể hiện ý chí kiêm cam kết về việc vận chuyển hàng hóa: Nhà cung cấp cam kết hàng hoá sẽ được xếp lên tàu từ một cảng xếp hàng nước ngoài và vận chuyển về cảng dỡ hàng Nghi Sơn, Việt Nam để cung cấp trực tiếp cho TMB theo kế hoạch đã thỏa thuận; hàng hoá không được phép dỡ xuống bất kỳ phương tiện và/hoặc kho bãi nào trước khi giao cho TMB (**Mẫu số 03**).

(Thư phải được trình bày bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt)

2. Hồ sơ chào hàng của nhà cung cấp:

2.1 Nội dung bản chào hàng: Đúng theo mẫu của hồ sơ yêu cầu (**Mẫu số 01**);

2.2 Đồng tiền chào hàng là: USD (Đô la Mỹ).

2.3 Ngôn ngữ trong hồ sơ chào hàng: Tiếng Anh và Tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, thì bản tiếng Anh sẽ được thừa nhận.

2.4 Số lượng bản hồ sơ chào hàng: 1 bản gốc và 2 bản sao (*Hồ sơ chào hàng phải được đóng thành quyển và đánh số trang*).

2.5 Hiệu lực của hồ sơ chào hàng: Đến hết 24 giờ 00 ngày 20/05/2020 (giờ Việt Nam).

2.6 Hồ sơ chào hàng của nhà cung cấp được đựng trong 01 túi hồ sơ dán kín;
Nhãn của túi hồ sơ chào hàng phải ghi rõ các nội dung sau:

| HỒ SƠ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH SỐ 01.08/2020 <i>Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng toàn phần điển hình 7.000 kcal/kg (DB)</i> | |
|--|--|
| TÊN GÓI THẦU: | MUA THAN NHẬP KHẨU ĐỢT 8 NĂM 2020 (Package No.08/2020) |
| TÊN HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH: | Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng toàn phần điển hình 7.000 kcal/kg (DB) (Số hiệu hồ sơ: 01.08/2020) |
| BÊN MỜI THẦU: | CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN |
| TÊN NHÀ CUNG CẤP: | Tên, địa chỉ, số điện thoại người liên hệ |

2.7 Thời gian và địa chỉ nộp hồ sơ:

- Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ: 14 giờ 00 ngày 27/04/2020 (giờ Việt Nam);

- Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Kế hoạch và Thị trường, Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc –Vinacomin (TMB), số 5 Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

2.8 Thời gian mở hồ sơ chào hàng: Từ 14 giờ 30 ngày 27/04/2020 tại Văn phòng TMB (*Số 5 Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*).

Ghi chú:

- Bộ hồ sơ chào hàng của nhà cung cấp phải bao gồm 1 bản gốc và 2 bản sao cho mỗi thứ tiếng, cụ thể:

- (1) Bản chào hàng than nhập khẩu - **Mẫu số 01**;
- (2) Thư thể hiện ý chí cam kết xuất xứ hàng hóa - **Mẫu số 02**;
- (3) Thư thể hiện ý chí cam kết về việc vận chuyển hàng hóa - **Mẫu số 03**;
- (4) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Bản sao có công chứng hoặc chứng thực*); ✓

19

(5) Báo cáo tài chính cho năm 2018 (được kiểm toán), và cho năm 2019 (chưa cần được kiểm toán) (*Bản sao có công chứng hoặc chứng thực*);

(6) Các tài liệu để chứng minh từ năm 2018 đến 2019, nhà cung cấp đã cung cấp thành công tại Việt Nam với khối lượng than lớn hơn hoặc bằng khối lượng than được yêu cầu trong Hồ sơ này (*Bản sao có công chứng hoặc chứng thực*).

- Nhà cung cấp than có thể nộp bản sao các tài liệu liên quan đến chào hàng cạnh tranh với điều kiện nếu được lựa chọn, các nhà cung cấp than phải nộp bổ sung bản gốc/bản chứng thực cho TMB.

- Trong trường hợp nhà cung cấp được TMB lựa chọn nhưng không ký hợp đồng/không thực hiện hoặc không thực hiện hết hợp đồng, nhà cung cấp đó sẽ không được tham gia chào hàng cạnh tranh và/hoặc đấu thầu trong 03 tháng kế tiếp.

Trân trọng!



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Trung

ky

BẢN CHÀO HÀNG THAN NHẬP KHẨU

Tên Nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

1. Tên hàng hóa:

2. Đơn giá: USD/tấn

3. Quy cách chất lượng than:

| Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Tiêu chuẩn phân tích (theo tiêu chuẩn ISO) | Giá trị điển hình | Từ chối |
|--|----------------------|--|-------------------|---------|
| Than sản xuất tại nước ngoài, có nhiệt năng toàn phần điển hình ... kcal/kg (DB) | Độ ẩm | Cơ sở nhận | ... | ... |
| | Độ tro | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Lưu huỳnh | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Chất bốc | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Nhiệt năng toàn phần | Cơ sở khô | ... | ... |
| | Cỡ hạt 0-25mm | | ... | ... |
| | HGI | | ... | ... |

Điều khoản về điều chỉnh giá than theo nhiệt năng thực tế: Trong trường hợp nhiệt năng thực tế cao hơn hoặc thấp hơn nhiệt năng điển hình, đơn giá thanh toán được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thanh toán} = \frac{\text{Nhiệt năng thực nhận}}{\text{Nhiệt năng điển hình}} \times \text{Giá FOB} + \text{Cước VC}$$

4. Khối lượng: tấn +/- 10%

5. Cảng xếp hàng:

6. Cảng dỡ hàng: Cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa, Việt Nam

7. Điều kiện cơ sở giao hàng (theo Incoterms 2010):

8. Thời gian giao hàng tại cảng xếp hàng:

9. Thời gian thực hiện hợp đồng:

10. Cỡ tàu: tấn. Nhà cung cấp cam kết sẽ chịu mọi trách nhiệm và chi phí phát sinh trong trường hợp tàu không được vào điểm neo đậu hoặc

phải chờ đợi để vào điểm neo đậu do trọng tải tàu lớn hơn quy định của cảng vụ cảng dỡ hàng.

11. Cam kết về điều kiện cơ bản của tàu:
12. Tốc độ dỡ hàng: tấn/ngày
13. Thời gian tàu chờ thủy triều:
14. Thời gian tàu chờ để kiểm dịch:
15. Mức thưởng/phạt tiền độ dỡ hàng: USD/ngày
16. Phương thức thanh toán:
17. Đơn vị giám định tại cảng xếp hàng:
18. Hiệu lực của bản chào hàng:
19. Các điều kiện khác (nếu có):#✓

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)



THƯ THẺ HIỆN Ý CHÍ KIỂM CAM KẾT XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

Chúng tôi -có trụ sở tạicam kết có thể cung cấp than với các điều kiện được đề cập dưới đây để tham dự chào hàng cạnh tranh cung cấp than cho TMB:

1. Tên hàng hoá:
2. Khối lượng: tấn +/-10% (theo lựa chọn của Nhà cung cấp)
3. Thời gian giao hàng tại cảng xếp hàng:
4. Quy cách chất lượng than:

| Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Tiêu chuẩn phân tích (theo tiêu chuẩn ISO) | Giá trị điển hình | Từ chối |
|--|----------------------|--|-------------------|---------|
| Than sản xuất tại nước ngoài, có nhiệt năng toàn phần điển hình ... kcal/kg (DB) | Độ ẩm | Cơ sở nhận | ... | ... |
| | Độ tro | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Lưu huỳnh | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Chất bốc | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Nhiệt năng toàn phần | Cơ sở khô | ... | ... |
| | Cỡ hạt 0-25mm | | ... | ... |
| | HGI | | ... | ... |

Chúng tôi cam kết nguồn than trên có xuất xứ tại

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP
(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)




**THƯ THỂ HIỆN Ý CHÍ KIỂM CAM KẾT
VỀ VIỆC VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ**

Chúng tôi -có trụ sở tạicam kết có thể cung cấp than với các điều kiện được đề cập dưới đây để tham dự chào hàng cạnh tranh cung cấp than cho TMB:

1. Tên hàng hoá:
2. Khối lượng: tấn +/-10% (theo lựa chọn của Nhà cung cấp)
3. Thời gian giao hàng tại cảng xếp hàng:
4. Quy cách chất lượng than:

| Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Tiêu chuẩn phân tích (theo tiêu chuẩn ISO) | Giá trị điển hình | Từ chối |
|--|----------------------|--|-------------------|---------|
| Than sản xuất tại nước ngoài, có nhiệt năng toàn phần điển hình ... kcal/kg (DB) | Độ ẩm | Cơ sở nhận | ... | ... |
| | Độ tro | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Lưu huỳnh | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Chất bốc | Cơ sở khí khô | ... | ... |
| | Nhiệt năng toàn phần | Cơ sở khô | ... | ... |
| | Cỡ hạt 0-25mm | | ... | ... |
| | HGI | | ... | ... |

Chúng tôi cam kết nguồn than trên được xếp lên tàu từ một cảng xếp hàng nước ngoài và vận chuyển về cảng dỡ hàng Nghi Sơn, Việt Nam để cung cấp trực tiếp cho TMB theo kế hoạch đã thoả thuận; hàng hoá không được phép dỡ xuống bất kỳ phương tiện và/hoặc kho bãi nào trước khi giao cho TMB. 

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

